

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày: 17-4-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Ông Lê Văn Thới

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Bình A, sinh năm 2001; nơi sinh: tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số D, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Không; cha tên Phạm Văn B, sinh năm 1976, mẹ tên Nguyễn Thanh Thúy P, sinh năm 1982. Vợ, con: Không có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Anh T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số A đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Đỗ Phước L, sinh năm 2003 (có mặt)

Nơi cư trú: Số F đường M, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của L:

Bà Đỗ Thị Kim T1, sinh năm 1978. (có mặt)

Ông Lê Văn L1, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số F đường M, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Võ Thị N, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số B đường L, Khóm A, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú hiện nay: Số D Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Em Châu Gia N1, sinh ngày 23/5/2008. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của em Châu Gia N1: Bà Châu Thị Thu H, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà A đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Nguyễn Thanh Thúy L2, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số D, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/11/2022, chị Nguyễn Anh T, nơi cư trú: Số A đường B, Phường A, thành phố V đến nhà số A để kiểm tra thì phát hiện bị mất 02 cây sắt phi tròn dài 06 mét, 02 cuộn kẽm gai, 01 cây sắt hộp dài 06 mét, 25 tấm tole đã qua sử dụng, 20 cây sắt hộp dài 06 mét, 01 quạt thông gió, 50 cây sắt hộp dài 02 mét, 05 cây sắt hộp dài 03 mét, 01 lưới B40 đã qua sử dụng, 02 vỉ sắt đã qua sử dụng, 02 đà sắt, 02 khung cửa sắt.

Qua kiểm tra camera tại nhà số A phát hiện có đối tượng đột nhập vào lấy trộm tài sản nên chị T đến Công an P1, thành phố V để trình báo sự việc. Qua sàng lọc đối tượng nghi vấn Công an P1, thành phố V tiến hành mời Lê Đỗ Phước L, Nguyễn Bình A về trụ sở làm việc. Qua làm việc A, L thừa nhận đã lấy trộm tài sản tại nhà số A nên Công an P1 đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V để điều tra xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra bị can Lê Đỗ Phước L thừa nhận ngày 12/11/2022, Lê Đỗ Phước L cùng Châu Gia N1 đến nhà Nguyễn Bình A chơi. Tại đây, cả ba thống nhất cùng nhau đi trộm cắp tài sản, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, A lấy ghe của bà Nguyễn Thanh T2 L2 cùng L và N1 đến nhà số A đường B, Phường

A, thành phố V (quán C cũ) để tìm tài sản lấy trộm, A là người bơi ghe. Khi đến nơi, An đậu ghe cặp mé sông phía sau nhà số A, sau đó A, L, N1 chui qua lỗ trống trên lưới rào B40 để lên bờ, rồi tiếp tục kéo cửa rào bằng lưới B40 để vào khuôn viên sân nhà số A lấy trộm nhiều loại sắt gồm sắt phi, sắt hộp, sắt gân, tole đem để xuống ghe rồi chở về bãi đất trống gần nhà A. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày A, L và N1 đem toàn bộ số sắt trộm được đến vừa phế liệu bán cho bà Võ Thị N được số tiền 4.000.000 đồng, A chia cho L được 2.000.000 đồng.

Đến khoảng 01 giờ ngày 13/11/2022 L, A và N1 tiếp tục sử dụng ghe của bà L2 quay lại nhà số A để lấy trộm, sắt hộp loại 03 mét và 06 mét, sắt gân, vĩ sắt, khung cửa sắt, 02 cuộn kẽm gai, lưới B40. Sau khi lấy trộm, cả ba chở về để ở bãi đất trống gần nhà A. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 13/11/2022, A, L và N1 tiếp tục đem số tài sản trộm được đến bán cho bà N được số tiền 5.600.000 đồng, A chia cho L số tiền 2.000.000 đồng. Riêng đối với cuộn lưới B40, 02 cây sắt tròn dài khoảng 06 mét bà N không đồng ý mua nên cả 03 để lại tại bãi đất trống gần nhà A. Sau khi sự việc bị phát hiện L đã giao nộp lại cuộn lưới B40, 02 cây sắt tròn dài 06 mét cho Công an.

Tại kết luận định giá tài sản số 73/HĐĐGTSTTTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V kết luận: Tổng trị giá tài sản bị mất trộm theo trình bày của bị hại là 24.556.750 đồng (trong đó: Trị giá tài sản thu hồi được là 4.970.000 đồng (gồm 02 cây sắt tròn giá 1.580.000 đồng, 02 cuộn kẽm gai trị giá 2.640.000 đồng, cuộn lưới B40 trị giá 750.000 đồng; trị giá tài sản không thu hồi được theo kết luận định giá là 19.586.750 đồng gồm: 01 cây sắt hộp kích thước (50 x 25)mm dài 06 mét trị giá 235.000 đồng, 20 cây sắt hộp, kích thước (30 x 60)mm dài 06 mét trị giá 5.660.000 đồng, 50 cây sắt hộp dài 02 mét trị giá 4.716.700 đồng, 50 cây sắt hộp dài 03 mét trị giá 7.075.050 đồng, 25 tấm tole trị giá 1.600.000 đồng và quạt thông gió trị giá 300.000 đồng). Riêng đối với 02 khung cửa sắt, 02 vĩ sắt, 02 đà sắt không định giá được do tài sản không thu hồi được và không có hóa đơn chứng từ.

Ngày 29/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long tiến hành định giá với 02 khung cửa sắt, 02 vĩ sắt, 02 đà sắt loại sắt phi dài 08 mét. Tại Công văn số 20/HĐ.ĐGTS ngày 15/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long trả lời từ chối định giá tài sản do Hội đồng không đủ cơ sở để định giá.

Quá trình điều tra Nguyễn Bình A bị khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản nhưng sau đó bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã. Ngày 18/12/2023 Nguyễn Bình A đến Cơ quan điều tra đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tuy nhiên B không thừa nhận đã lấy trộm quạt thông gió như lời trình bày của chị Nguyễn Anh T. Do ngoài lời khai của bị hại khai về việc mất trộm quạt thông gió, bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ chứng minh về nguồn gốc tài sản đã bị mất trộm, Cơ quan điều tra cũng không thu hồi được quạt thông gió nên không đủ căn cứ xác định số tài sản bị mất như

bị hại trình bày mà chỉ đủ căn cứ xác định A đã lấy trộm của bị hại số tài sản có giá trị là 24.256.750 đồng như B đã thừa nhận.

Cáo trạng số 19/CT-VKSND.TPVL ngày 06/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bình A từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Anh T yêu cầu bị cáo A và Lê Đỗ Phước L liên đới bồi thường giá trị tài sản không thu hồi được 19.586.750 đồng, bị cáo A đồng ý bồi thường cùng Phước L, mỗi người một nửa. Xét thấy Bản án số 109/2023/HS-ST ngày 29/11/2023 Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã tuyên buộc bị cáo Lê Đỗ Phước L bồi thường cho bị hại 19.586.750 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo A phải trả lại cho bị cáo L 9.793.375 đồng để bồi thường cho bị hại.

Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Bình A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đúng như cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố. Bị cáo không tham gia tranh luận, trong phần nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do muốn có tiền để tiêu xài nên khoảng 17 giờ ngày 12/11/2022, bị cáo cùng Châu Gia N1 và Lê Đỗ Phước L đột nhập vào khuôn viên sân nhà số A đường B Phường A, thành phố V của chị Nguyễn Anh T lén lút lấy trộm nhiều loại sắt gồm sắt phi, sắt hộp, sắt gân, tole. Đến khoảng 01 giờ ngày 13/11/2022, bị cáo cùng N1, L tiếp tục quay lại nhà số A để lấy trộm sắt hộp loại 03 mét và 06 mét, sắt gân, vĩ sắt, khung cửa sắt, 02 cuộn chì gai, lưới B40. Theo kết luận định giá tài sản trị giá tài sản lấy trộm là 24.256.750 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Bình A đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ

luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm thực hiện ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác. Bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác phải được mọi người tôn trọng, được pháp luật bảo vệ, nếu ai xâm phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật. Bị cáo 02 ngày liên tục đến lấy trộm tài sản của bị hại nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Với hành vi phạm tội này, bị cáo cần phải nhận một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính răn đe, giúp bị cáo học tập, cải tạo bản thân trở thành người tốt, cũng góp phần răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi bỏ trốn bị cáo ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Anh T yêu cầu bị cáo A và Lê Đỗ Phước L liên đới bồi thường giá trị tài sản không thu hồi được 19.586.750 đồng. Xét thấy Bản án số 109/2023/HS-ST ngày 29/11/2023 Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã tuyên buộc bị cáo Lê Đỗ Phước L bồi thường cho bị hại 19.586.750 đồng. Tại phiên tòa bị cáo A cũng đồng ý liên đới bồi thường cùng với Phước L, mỗi người một nửa nên phần của bị cáo A là 9.793.375 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bình A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình A 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Bình A trả cho Lê Đỗ Phước L số tiền 9.793.375 đồng (chín triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Phòng HS - CA TVL;
- TAND tỉnh VL;
- CA TPVL;
- VKSND TPVL;
- VKSND tỉnh VL;
- CCTHADS TPVL;
- Sở Tư pháp tỉnh VL;
- UBND Phường 3, TPVL;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Hải Châu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Lúc 10 giờ 00 phút ngày 17 tháng 4 năm 2024

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Ông Lê Văn Thới

Tiến hành nghị án vụ án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024, đối với:

Họ và tên: Nguyễn Bình An, sinh năm 2001; nơi sinh: tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số 41/5, Khóm 2, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: Tội “Trộm cắp tài sản”

Kết quả biểu quyết : 3/3

2. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Kết quả biểu quyết :3/3

3.Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình An 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/12/2023.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Bình An trả cho Lê Đỗ Phước Lợi số tiền 9.793.375 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc lúc 10 giờ 20, ngày 17 tháng 4 năm 2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

1.....

2.....